

CÔNG TY TNHH KINH DOANH DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI NAM DƯƠNG
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH KINH DOANH DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI NAM DƯƠNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NAM DUONG TRADING SERVICES BUSINESS COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110164385

3. Ngày thành lập: 27/10/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 153 tổ 20, Thị Trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0347581966

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa Môi giới mua bán hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá)	4610
6.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
7.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
8.	Bán buôn thực phẩm	4632
9.	Bán buôn đồ uống	4633
10.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641

11.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu	4649
12.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
13.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
14.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)	4659
15.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: - Bán buôn quặng kim loại - Bán buôn sắt, thép - Bán buôn kim loại khác (Trừ kinh doanh vàng miếng)	4662
16.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
17.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Loại trừ hoạt động đấu giá và hoạt động nhà nước cấm)	4669
18.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: -Xuất nhập khẩu những mặt hàng công ty kinh doanh	8299
19.	Cho thuê xe có động cơ	7710
20.	Bán buôn tổng hợp	4690(Chính)
21.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
22.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
23.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
24.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723

25.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
26.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
27.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
28.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
29.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
30.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
31.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
32.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
33.	Sản xuất sợi	1311
34.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
35.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
36.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
37.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
38.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
39.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
40.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú (Trừ loại nhà nước cấm)	1420
41.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
42.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
43.	Sản xuất giày, dép	1520
44.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
45.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
46.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
47.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
48.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
49.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
50.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
51.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
52.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
53.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
54.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
55.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
56.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
57.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (Trừ sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội bằng kim loại)	2599

58.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
59.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
60.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
61.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
62.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
63.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
64.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: - Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng lưu động hoặc tại chợ - Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu lưu động hoặc tại chợ	4784
65.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ đấu giá)	4791
66.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ đấu giá)	4799
67.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (Loại trừ hoạt động nhà nước cấm) Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
68.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
69.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
70.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
71.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
72.	Bốc xếp hàng hóa	5224
73.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
74.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Trừ vận tải hàng không)	5229
75.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
76.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
77.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
78.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
79.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
80.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
81.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
82.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
83.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752

84.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
85.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
86.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
87.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
88.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
89.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
90.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh - Bán lẻ nước hoa, nước thơm - Bán lẻ mỹ phẩm: Son, phấn, kem, chế phẩm trang điểm mắt và đồ dùng trang điểm khác; - Bán lẻ vật phẩm vệ sinh: Nước gội đầu, sữa tắm, khăn giấy thơm...	4772

6. Vốn điều lệ: 6.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	DƯƠNG THỊ THU HIỀN	Việt Nam	Thôn Hà Lỗ, Xã Liên Hà, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	3.600.000.000	60,000	001199020010	
2	PHAN THÀNH NAM	Việt Nam	Số nhà 153 tổ 20, Thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	2.400.000.000	40,000	001099005490	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: DƯƠNG THỊ THU HIỀN

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 25/04/1999

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001199020010

Ngày cấp: 25/07/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: *Thôn Hà Lỗ, Xã Liên Hà, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Thôn Hà Lỗ, Xã Liên Hà, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội